

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2023/DS-ST.

Ngày: 13-6-2023.

*V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản.*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Văn Long.

Ông Đinh Ngọc Đình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Hồng- Thư ký Toà án của
Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An.

Ngày 13 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 61/2023/TLST-DS, ngày 10 tháng 02 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2023/QĐXXST-DS, ngày 18 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1974, địa chỉ: Số nhà 543/4, ấp X, xã Thanh Vĩnh Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Long An. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Văn C, sinh năm 1967, địa chỉ: Số nhà 84, đường L, Phường 4, thành phố Tân An, tỉnh Long An (Văn bản ủy quyền ngày 21 tháng 12 năm 2022). (có mặt)

Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1972. (vắng mặt)

2. Bà Trần Thị H, sinh năm 1971. (có mặt)

Cùng địa chỉ: Số nhà 100/4, ấp T, xã Thanh Phú Long, huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày trong đơn khởi kiện và ông Trần Văn C là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Ngày 17 tháng 12 năm 2020, vợ chồng bà H và ông Đ có vay của bà T số tiền là 50.000.000 đồng, mục đích vay tiền là để giải quyết việc gia đình, hai bên

thỏa thuận lãi suất là 5%/tháng, thời hạn vay là 2 ngày. Tuy nhiên, khi hết thời hạn vay, vợ chồng bà H và ông Đ hẹn nhiều lần mà không trả tiền. Sau đó, ngày 31 tháng 12 năm 2020, ông Đ và bà H trả cho bà T số tiền 35.000.000 đồng, còn nợ lại 15.000.000 đồng. Ông Đ và bà H hẹn đến ngày 10 tháng 02 năm 2021 âm lịch sẽ trả hết số tiền còn lại, nhưng đến nay bà H và ông Đ không trả tiền cho bà T.

Nay bà T yêu cầu bà H và ông Đ liên đới trả cho bà T số tiền vốn vay còn nợ là 15.000.000 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi.

Bị đơn là bà Trần Thị H trình bày tại phiên tòa như sau:

Bà H và ông Đ có vay của bà T số tiền là 50.000.000 đồng, mục đích vay tiền là để trả nợ ngân hàng. Bà H và ông Đ đã trả cho bà T số tiền là 35.000.000 đồng, còn nợ bà T số tiền là 15.000.000 đồng. Nay bà T yêu cầu bà H và ông Đ trả số tiền còn nợ là 15.000.000 đồng thì bà H đồng ý.

Bị đơn là ông Nguyễn Văn Đ không tham gia tố tụng, không có ý kiến gì về việc khởi kiện của nguyên đơn.

Các đương sự không còn trình bày hay yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn kiện bị đơn tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An thụ lý giải quyết.

[2] Ông Nguyễn Văn Đ là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt đối với ông Nguyễn Văn Đ.

[3] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền vay còn nợ là 15.000.000 đồng. Bà Trần Thị H là bị đơn đồng ý trả tiền theo yêu cầu của nguyên đơn. Ông Nguyễn Văn Đ là bị đơn không tham gia tố tụng, không có ý kiến gì về việc khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy nguyên đơn cung cấp được chứng cứ là Biên nhận vay tiền có chữ ký tên và chữ viết tên của bị đơn, để chứng minh là bị đơn có vay tiền và còn nợ tiền vay như nguyên đơn trình bày. Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận giữa các bên trong hợp đồng, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 468 và 470 của Bộ luật dân sự năm 2015, nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn số tiền vay là 15.000.000 đồng. Bị đơn còn phải chịu tiền lãi nếu như chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[4] Về án phí: Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng các Điều 468 và 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Áp dụng Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thanh T, buộc ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền vay là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thi hành án, thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi trên số tiền vay còn nợ (không tính lãi trên tiền lãi) theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền vay chậm thi hành án.

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Thanh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 375.000 đồng (ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006617 ngày 09 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Long An.

Ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị H phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 750.000 đồng (bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Bà Nguyễn Thị Thanh T và bà Trần Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Nguyễn Văn Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm.

4. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

****Nơi nhận:***

- Tòa án tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;
- Cơ quan thi hành án huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, án văn)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Văn Tùng